

Ngày 05/03/2017

**Phòng phân tích  
Công ty cổ phần  
Chứng Khoán Phú Hưng**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật  
Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM  
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479  
Fax: (84-28) 5 413 5472  
Customer Service: (84-28) 5 411 8855  
Call Center: (84-28) 5 413 5488  
E-mail: info@phs.vn/support@phs.vn  
Web: www.phs.vn

Thị trường trải qua một tuần giao dịch đầy tích cực với diễn biến gia tăng điểm số diễn ra ở cả hai sàn. Đồng thời, thanh khoản cũng được cải thiện đáng kể chủ yếu nhờ lực cầu mạnh ở nhóm cổ phiếu tài chính.

Chỉ số VN-Index có tuần giao dịch đầy khả quan khi thu hẹp thành công khoảng cách với đỉnh cũ 1,130 điểm của tháng 1/2018. Chỉ số kết tuần tại mức 1121.21 điểm (+1.66%) với KLGD KL bình quân mỗi phiên đạt 201.1 triệu cổ phiếu (+18.7%), tương đương 6298 tỷ/phiên (+26.1%).

Nhóm bất động sản VIC (+3.2%), VRE (+7.0%), NVL (+4.6%) và ngân hàng CTG (+7.5%), VPB (+5.8%), BID (+2.0%) dẫn dắt chỉ số nở rộng đà tăng. Ngoài ra các cổ phiếu dầu khí GAS (+5.3%), PLX (+5.1%), PVD (+7.1%) và thép HPG (+7.5%), TLH (+8.4%), VIS (+1.8%) cũng có sự hồi phục tích cực. Tuy nhiên, áp lực bán vẫn còn tập trung ở nhóm cổ phiếu thực phẩm SAB (-5.1%), VNM (-1.3%), BHN (-1.4%) và thủy sản ANV (-63.4%), DAT (-20.3%), HVG (-11.5%)

Trên sàn Hà Nội, lực đỡ từ các mã tăng điểm cũng áp đảo hơn hẳn. Chốt tuần, HNX-Index đóng cửa tại 128.25 điểm (+1.59%), KLGD KL bình quân mỗi phiên đạt 63.2 triệu cổ phiếu (+34.5%), tương đương 1093 tỷ/phiên (+39.6%)

Lực đỡ mạnh nhất cho HNX-Index thuộc về các cổ phiếu ngân hàng ACB (+4.0%), NVB (+2.5%). Ngoài ra, các mã vật liệu VCS (+8.7%), VIT (+0.7%) và xây dựng VCG (+10.3%), TV2 (+3.9%), V21 (+20.0%) cũng hỗ trợ khá tốt cho sự đi lên của chỉ số. Đồng thời, diễn biến tích cực tương tự còn diễn ra ở một số mã dầu khí PVS (+8.5%), PVG (+8.4%), PMS (+8.3%) và bảo hiểm PVI (+7.7%), VNR (+5.3%).

Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn, tuy nhiên với giá trị giảm so với trước. Trên sàn HOSE, khối ngoại bán ròng 1007.8 tỷ đồng (-18.5%), tập trung ở các mã HCM (-156.2 tỷ), VRE (-141.2 tỷ), VCB (-137.6 tỷ) trong khi VIC (+86.1 tỷ), DXG (+66.6 tỷ), MSN (+52.3 tỷ) được mua ròng nhiều nhất. Tương tự trên sàn Hà Nội, khối ngoại bán ròng 91.74 tỷ đồng (-26.7%), tập trung ở các mã VGC (-21.2 tỷ), SHS (-18.0 tỷ), HUT (-12.5 tỷ) trong khi PVS (+19.8 tỷ), SHB (+17.7 tỷ), VCG (+5.5 tỷ) là những cái tên dẫn đầu mua ròng.

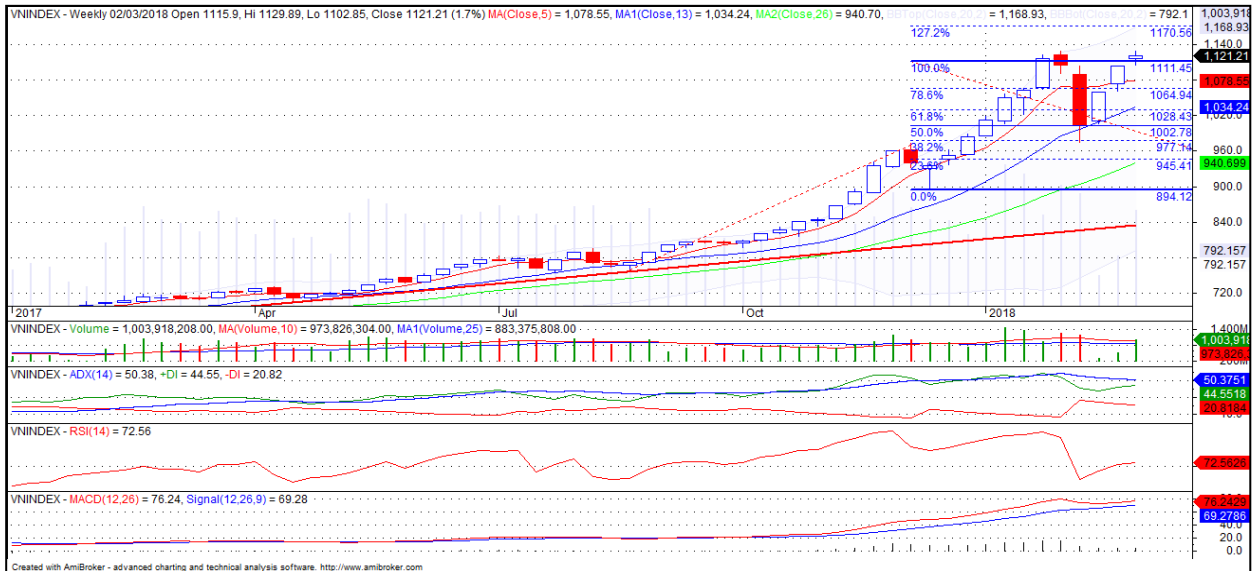
Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có tuần tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng lên mức bình quân 10 và 20 tuần do không còn chịu áp lực bởi kỳ nghỉ lễ kéo dài vừa qua. Không những vậy, xu hướng phục hồi của chỉ số vẫn đang được duy trì, khi chỉ số đang đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA 5 tới MA 200, kèm theo đường chỉ báo xu hướng ADX đang nằm trên vùng 23 và đường +DI nằm trên -DI hàm ý xác nhận xu hướng hiện tại. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác như MACD và RSI đang đi lên tích cực cho thấy chỉ số có thể tiến lên thử thách ngưỡng đỉnh lịch sử 1.170 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có tuần đi lên thứ ba liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA 20, kèm khối lượng giao dịch gia tăng so với tuần trước đó, cho thấy xu hướng tăng điểm của chỉ số đang tiếp diễn, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 134.4 điểm (Fib 261.8). Nhìn chung, tuần tăng điểm vừa qua cho thấy xu hướng phục hồi của thị trường đang tiếp diễn, thị trường có thể tiến lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế mua ngắn hạn với tỷ trọng nhỏ trên những cổ phiếu có cơ bản tốt và được kỳ vọng kết quả kinh doanh 2018 khả quan.

# Tổng quan thị trường

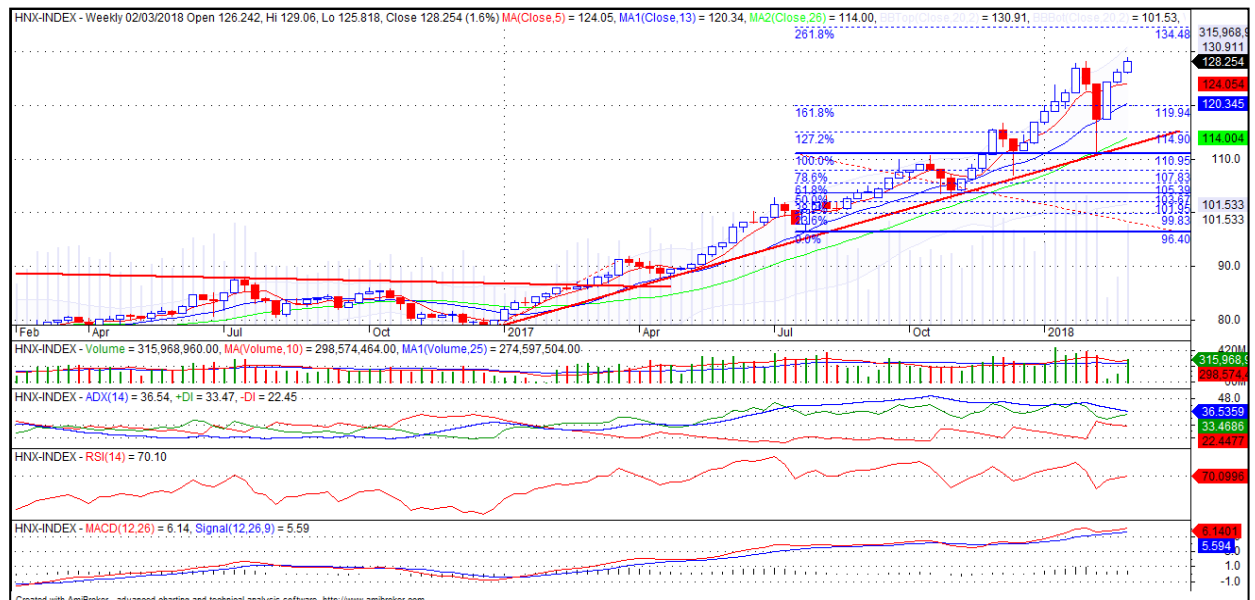
## Thị trường trong nước

Ngày tháng	Thứ 2 26/02	Thứ 3 27/02	Thứ 4 28/02	Thứ 5 01/03	Thứ 6 02/03	Tr. bình
<b>HOSE</b>	<b>1,114.53</b>	<b>1,119.61</b>	<b>1,121.54</b>	<b>1,115.79</b>	<b>1,121.21</b>	<b>1,118.54</b>
Thay đổi +/-	11.68	5.08	1.93	-5.75	5.42	3.67
Thay đổi %	1.06	0.46	0.17	-0.51	0.49	-0.24
Khối lượng (tr.CP)	221.57	175.31	213.35	207.16	188.04	201.09
Giá trị (tỷ đồng)	6,953.9	5,462.9	6,826.4	6,408.2	5,839.9	6,298.2
Đầu tư nước ngoài	-185.1	-160.7	-379.5	-167.3	-115.1	-201.6
<b>HNX</b>	<b>126.18</b>	<b>127.29</b>	<b>128.05</b>	<b>127.10</b>	<b>128.25</b>	<b>127.37</b>
Thay đổi +/-	-0.06	1.11	0.76	-0.95	1.15	0.40
Thay đổi %	-0.05	0.88	0.60	-0.74	0.90	0.32
Khối lượng (tr.CP)	73.57	51.74	61.75	74.28	54.63	63.19
Giá trị (tỷ đồng)	1,388.6	865.9	950.6	1,254.7	1,002.8	1,092.53
Đầu tư nước ngoài	-11.7	-11.0	-54.8	-31.1	17.20	3.70

### VN-Index



### HNX-Index



**TOP 10 mã cổ phiếu trong tuần**
**HOSE**
**Top 10 tăng giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
VID	10.5	606.4	34.8%
CDO	1.8	1,578.0	27.3%
DRH	21.1	3,081.2	23.2%
NVT	4.7	3,763.6	22.0%
HAR	11.2	11,279.7	19.1%
FMC	31.5	3,126.9	14.5%
PAN	68.1	1,739.4	14.2%
SII	22.9	14.3	13.8%
VSI	19.3	6.2	13.1%
DIG	26.9	23,847.1	12.4%

**Top 10 giảm giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
DAT	21.4	0.3	-20.3%
SMA	10.6	2.5	-16.7%
STT	9.1	0.2	-13.6%
MCP	25.2	6.1	-13.1%
SCD	27.8	34.8	-13.0%
EMC	13.1	16.3	-11.8%
HVG	4.5	2,426.8	-11.5%
TCH	20.4	6,120.7	-11.0%
BRC	9.4	10.0	-10.3%
VND	26.5	12,371.0	-10.3%

**Top 10 giá trị**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	66.3	2,900.8	7.5%
CTG	32.7	2,887.4	7.5%
NVL	85.8	2,074.8	4.6%
SSI	38.0	1,370.9	7.8%
MBB	34.2	1,348.1	3.7%
VRE	55.2	1,256.7	7.0%
STB	15.7	1,218.1	-4.6%
VPB	61.9	1,206.3	5.8%
VCB	71.8	1,123.1	0.6%
VNM	199.3	982.9	-1.3%

**HNX**
**Top 10 tăng giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
VE9	6.3	2,546.7	44.9%
L61	12.7	48.4	32.9%
L14	57.9	397.5	29.3%
SSM	15.2	2.2	28.9%
CAG	28.6	0.3	28.4%
ORS	2.7	202.5	26.1%
OCH	6.1	23.2	20.8%
V21	19.4	0.4	20.0%
PRC	20.5	0.3	19.6%
VMS	11.4	57.5	17.6%

**Top 10 giảm giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
PBP	13.0	17.3	-31.0%
KHL	0.3	347.4	-25.0%
RCL	17.4	0.4	-19.2%
VCR	3.1	17.4	-19.0%
BXH	14.9	2.0	-18.0%
TTC	19.6	17.0	-17.3%
TST	4.6	39.2	-17.1%
QNC	3.1	3.7	-16.9%
HLC	7.0	2.5	-16.3%
S74	5.1	15.4	-15.6%

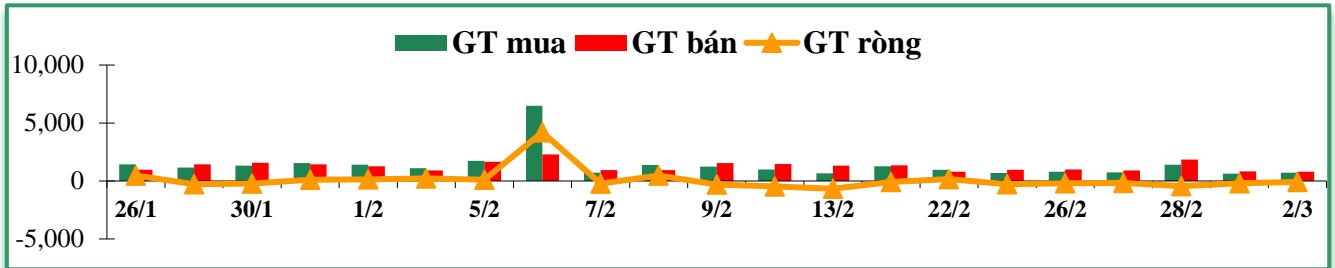
**Top 10 giá trị**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	46.5	1,420.3	4.0%
SHB	12.7	1,352.0	-3.8%
PVS	25.0	823.2	8.5%
VCG	26.2	381.8	10.3%
SHS	23.2	352.7	3.5%
VGC	23.8	102.7	-2.8%
PVI	42.0	102.6	7.7%
HUT	8.9	96.2	-4.2%
VCS	233.0	86.4	8.7%
TNG	16.7	79.4	3.4%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	KL mua		KL bán		GT mua		GT bán		Mua-Bán Tỷ đồng
	Triệu CP	% +/-	Triệu CP	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	
HOSE	71.3	-13%	95.5	-18%	4,106.9	-8%	5,114.7	-10%	-1,007.8
HNX	9.2	261%	15.3	19%	204.7	135%	296.1	40%	-91.4
Tổng	80.5	-4%	110.7	-14%	4311.6	-6%	5410.8	-9%	-1099.2

### Biểu đồ giao dịch nhà đầu tư nước ngoài



### HOSE

#### Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	94.5	86.1	3.2%
DXG	35.3	66.6	5.7%
MSN	91.5	52.3	1.9%
SBT	18.1	48.6	-3.0%
PVD	22.2	30.8	7.1%
AST	76.8	28.9	6.7%
DIG	26.9	21.0	12.4%
LDG	26.0	12.6	6.0%
DPM	22.6	9.6	-5.3%
GEX	34.5	9.5	9.0%

#### Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HCM	79.9	(156.2)	-0.1%
VRE	55.2	(141.2)	7.0%
VCB	71.8	(137.6)	0.6%
VNM	199.3	(110.9)	-1.3%
HDB	43.6	(102.5)	-2.2%
HPG	66.3	(101.9)	7.5%
GMD	44.0	(85.4)	2.9%
BID	37.8	(62.0)	2.0%
KBC	13.2	(59.3)	-0.7%
GAS	117.0	(54.1)	5.3%

### HNX

#### Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	25.0	19.8	8.5%
SHB	12.7	17.7	-3.8%
VCG	26.2	5.5	10.3%
VGS	9.8	2.8	1.1%
VPI	37.9	1.9	0.3%
KLF	2.3	1.1	-8.0%
PVX	2.2	0.8	5.3%
DXP	13.4	0.7	6.6%
API	30.0	0.6	0.4%
CEO	10.5	0.6	-1.8%

#### Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VGC	23.8	(21.2)	-2.8%
SHS	23.2	(18.0)	3.5%
HUT	8.9	(12.5)	-4.2%
MAS	83.0	(7.4)	0.0%
VNR	24.2	(6.8)	5.3%
LAS	13.7	(1.6)	0.1%
SD6	6.7	(1.0)	-5.7%
PLC	22.2	(1.0)	-3.0%
BCC	6.9	(0.9)	0.1%
MBS	15.8	(0.8)	4.6%

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

#### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

#### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UNIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

#### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

#### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801